TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2017/DS-PT
Ngày: 20-7-2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Tống Văn Viên

Ông Nguyễn Văn Năm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Ngọc Hùng Anh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:*** Ông Nguyễn Thanh Hoàng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2015/TLPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2015 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2014/DS-ST, ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 275/2017/QĐPT-DS ngày 27 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1934;

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị L: Ông Giang Minh C, sinh năm 1951. Địa chỉ cư trú: Đường M, khóm 3, phường 3, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 15/3/2012) Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Bùi Khắc Toản thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị S, sinh năm 1940

Địa chỉ cư trú: ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị S: Anh Nguyễn Vũ P, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 18/5/2015) Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đặng Văn Chung – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. *NLQ1*, sinh năm 1969;

2. *NLQ2*, sinh năm 1992;

3. *NLQ3*, sinh năm 1954;

Cùng địa chỉ cư trú: ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4. *NLQ4*, sinh năm 1959;

Địa chỉ cư trú: Đường P, phường 1, Thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4: Ông Giang Minh C, sinh năm 1951. Địa chỉ cư trú: Đường M, khóm 3, phường 3, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 14/5/2012; 4/5/2015; 9/6/2015) Có mặt.

5. *NLQ5*, sinh năm 1968;

6. *NLQ6*, sinh năm 1969;

7. *NLQ7*, sinh năm 1990;

8. *NLQ8*, sinh năm 1993;

9. *NLQ9*, sinh năm 1995.

Người đại diện hợp pháp của NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9: Bà Võ Thị S, sinh năm 1940. Cùng địa chỉ cư trú: ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 19/11/2012).

10. *NLQ10*, sinh năm 1933 (chết ngày 20/02/2017)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông NLQ10:

10.1. Ông Ngô Tòng L, sinh năm 1959;

Địa chỉ cư trú: Đường P, phường 1, Thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

10.2. Ông Ngô Phước L, sinh năm 1954;

Địa chỉ cư trú: ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Ngô Phước L, ông Ngô Tòng L: Ông Giang Minh C, sinh năm 1951. Địa chỉ cư trú: Đường M, khóm 3, phường 3, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 6/3/2017; 8/3/2017).

11. *NLQ11*.

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Bà Võ Thị S là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/03/2012, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/6/2014 nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Giang Minh C trình bày: Vào năm 1941 bà Huỳnh Thị T là mẹ của bà Lâm Thị Đ (bà ngoại của bà Nguyễn Thị L) có mua của ông Kim R diện tích 0,H52 (5.200m^2) đất thổ trạch; bà Huỳnh Thị T chết thì bà Lâm Thị Đ được thừa hưởng diện tích đất này và thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất. Đến ngày 12/9/1996 bà Lâm Thị Đ được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.120m^2, thửa 656, tờ bản đồ số 4, loại đất ở cây ăn quả, tọa lạc ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Tại thửa đất này, bà Võ Thị S đã lấn chiếm để cất nhà ở diện tích 106,5m^2 từ năm 1969 đến nay. Lúc còn sống bà Lâm Thị Đ có yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng chưa giải quyết xong thì bà Lâm Thị Đ chết; nay bà Nguyễn Thị L là người thừa kế của bà Lâm Thị Đ khởi kiện yêu cầu tiếp tục giải quyết tranh chấp. Nguyên đơn khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc bà Võ Thị S trả lại cho bà Nguyễn Thị L diện tích đất 106,5m^2 nằm một phần trong diện tích 3.120m^2, thửa 656 tờ bản đồ số 4, loại đất ở cây ăn quả, tọa lạc ấp O, xã H, huyện T. Trường hợp gia đình bà Võ Thị S không còn chỗ ở nào khác thì yêu cầu bà Võ Thị S hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường.

Theo lời khai của bà Võ Thị S là bị đơn trình bày: Vào năm 1969 bà thấy có miếng đất trống (đất này là đất giãn dân, có nền bót cũ), bà mới lại cất 01 cái nhà lá trên đất ở cho đến nay, bà không biết nguồn gốc đất là của ai, năm 2004 Nhà nước đã cất cho bà 01 cái nhà tình thương, mái lợp tol, vách lá nền đất và sống cùng con gái tên Nguyễn Thị Thu T và các cháu là Nguyễn Văn H, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thị Lệ H, Nguyễn Bá L (tất cả đã thành niên). Khi bà cất nhà không ai phản đối và ngăn cản. Do không am hiểu pháp luật nên từ khi sống trên đất cho đến nay bà không có đi đăng ký và kê khai. Nay bà không đồng ý trả đất cho bà Nguyễn Thị L cũng không đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất. Đề nghị Tòa án xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Lâm Thị Đ.

Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 30/10/2014 ông Lê Thanh B đại diện theo ủy quyền của NLQ11 trình bày: Phần đất tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị L với 13 hộ có tổng diện tích chung 4.440m^2 thuộc các thửa 654, 656 tọa lạc ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (trong đó có hộ bà Võ Thị S) do bà Lâm Thị Đ kê khai đăng ký vào ngày 25/7/1994 đã được Hội đồng đăng ký quyền sử dụng đất xã H xét cấp và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của Luật đất đai năm 1993. Việc bị đơn

đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Lâm Thị Đ là không có cơ sở.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2014/DSST ngày 30/10/2014 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

Áp dụng các điều 25, 33, 79, 131, 142 và 202 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và các điều 2, 3, 73 của Luật đất đai năm 1993, Điều 105 của Luật đất đai năm 2003; Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L ủy quyền cho ông Giang Minh C yêu cầu bị đơn bà Võ Thị S hoàn trả tiền giá trị quyền sử dụng đất diện tích 106,5m^2, thửa 656, tọa lạc ấp O, xã H, huyện T.

Buộc bà Võ Thị S có trách nhiệm hoàn trả tiền giá trị quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị L bằng: 21.300.000 đồng (giao cho bà Nguyễn Thị L quản lý số tiền này theo quy định của pháp luật về quản lý di sản thừa kế).

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải trả lãi của số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Giao cho bà Võ Thị S được tiếp tục sử dụng diện tích 106,5m^2 thửa 656, loại đất ở cây ăn quả, tọa lạc ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Hướng Đông giáp đường đất có số đo: 9,30m;

- Hướng Tây giáp thửa 656 có số đo: 5,10m +4,20 m;

- Hướng Nam giáp thửa 656 có số đo: 12,30m;

- Hướng Bắc giáp thửa 656 có số đo: 10,20m.

Vị trí diện tích 106,5m^2, thửa 656 được xác định theo trích lục đo đạc theo hiện trạng ngày 13/5/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T kèm theo bản án này.

Kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị S theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí lệ phí thẩm định nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/11/2014 bà Võ Thị S là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu công nhận diện tích đất 106,5m^2, thuộc thửa 656, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng của bà Võ Thị S và bà Võ Thị S không đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và đại diện cho bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của vị luật sư bào chửa bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Diện tích đất 106,5m^2, thuộc thửa 656, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là của bà Huỳnh Thị T. Sau khi bà Huỳnh Thị T chết bà Lâm Thị Đ đã đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị đơn lấn chiếm cất nhà ở nên phải có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị L là người thừa kế của bà Lâm Thị Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Ý kiến của vị luật sư bào chửa bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn đơn: Diện tích đất 106,5m^2, thuộc thửa 656, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T, do gia đình bên bị đơn sử dụng từ năm 1953 cho đến nay. Việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận cho bà Lâm Thị Đ là không đúng. Khi cấp giấy cơ quan chuyên môn không kiểm tra hiện trạng sử dụng chỉ căn cứ đơn xin cấp giấy quyền sử dụng đất mà không xem đến những hộ ở trên đất xem họ có đồng ý không. Theo báo cáo số 236 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh thì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện T là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị S xin được công nhận quyền sử dụng diện tích đất 106,5m^2, thuộc thửa 656, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T là có cở để chấp nhận. Theo tư liệu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lâm Thị Đ là không đúng thủ tục, không đúng đối tượng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị S, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị S. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Lâm Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng. Xét đơn kháng cáo của bà Võ Thị S là trong hạn luật định nghĩ nên chấp nhận. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm NLQ10 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chết nên Tòa án đưa ông Ngô Tòng L và Ngô Phước L là người thừa kế của NLQ10 tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của NLQ10.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu của bà Võ Thị S yêu cầu công nhận diện tích 106,5m^2, thuộc thửa 656, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh cho gia đình bà, bà không đồng ý thanh toán giá trị đất cho nguyên đơn. Theo tư liệu đăng ký quyền sử dụng đất năm 1983 ông Nguyễn Văn C đăng ký thửa 615, diện tích 1.200m^2; thửa 616, diện tích 2.800m^2. Tư liệu năm 1991 bà Lâm Thị Đ đăng ký thửa số 654, diện tích 1.320m^2; thửa số 656, diện tích 3.120m^2.

Theo quy định tại khoản 1, mục IV Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng chính phủ quy định về đăng ký và thống kê đất: "*Để thực hiện thống nhất quản lý ruộng đất, tất cả các tổ chức và cá nhân sử dụng đất đều phải khai báo chính xác và đăng ký các loại ruộng đất mình đang sử dụng vào sổ địa chính của Nhà nước, Ủy ban nhân dân xã phải kiểm tra việc khai báo này*".

Theo quy định của Quyết định số 201-QĐ/ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý ruộng đất quy định điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: "*Người sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi diện tích đất đang sử dụng được thể hiện đầy đủ trên bản đồ địa chính và được ghi vào sổ bộ địa chính*".

Qua hai lần kê khai đăng ký quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân xã H không kiểm tra lại thực tế việc kê khai đăng ký của ông Nguyễn Văn C và bà Lâm Thị Đ. Việc kê khai này chưa đúng quy định Nguyễn Văn C và bà Lâm Thị Đ không trực tiếp sử dụng đất mà đất do các hộ sử dụng trong đó có gia đình của bà Võ Thị S sử dụng phần đất trên từ năm 1969.

Theo Công văn số 258/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 22/9/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T thể hiện: Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lâm Thị Đ đối với thửa 654 và 656, tổng diện tích là 4.440m^2 chỉ có đơn đăng ký quyền sử dụng đất của bà Lâm Thị Đ, ngoài ra không còn hồ sơ nào khác đối với hai thửa đất trên. Như vậy, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lâm Thị Đ chưa đảm bảo theo quy định vì không có biên bản họp Hội đồng xét cấp giấy và danh sách xét duyệt. Mặt khác theo tư liệu đăng ký quyền sử dụng đất năm 1983 ông Nguyễn Văn C đăng ký thửa 615 diện tích 1.200m^2; thửa 616 diện tích 2.800m^2. Tư liệu năm 1991 bà Lâm Thị Đ đăng ký khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 656, diện tích 1.320m^2; Thửa số 656, diện tích 3.120m^2. Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 656, diện tích 3.120m^2 cho bà Lâm Thị Đẹt thì Ủy ban nhân dân huyện T không xem xét trên đất có hộ của bà Võ Thị S ở ổn định trên này. Cơ quan chuyên môn không hỏi ý kiến của bà Võ Thị S có đồng ý cho bà Lâm Thị Đ đăng ký cấp quyền sử dụng đất không là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật đất đai năm 1993. Bên cạnh đó Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh có báo cáo số 236/BC-UBND ngày 30/11/2016 cũng xác định việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ

bà Lâm Thị Đ là không đúng trình tự thủ tục, không đúng đối tượng sử dụng đất.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị S là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị S, chấp nhận quan điểm của kiểm sát viên và luật sư của bên bị đơn sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị S về việc yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất 106,5m^2 nằm trong diện tích 3.120m^2, thuộc thửa 656, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh cho bà Võ Thị S quản lý sử dụng. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất 106,5m^2 nằm trong diện tích 3.120m^2, thuộc thửa 656, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ bà Lâm Thị Đ.

[3]. Về án phí, lệ phí thẩm định, định giá: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 3 Điều 36 Luật đất đai năm 1993; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị S.

Sửa bản án sơ thẩm số 05/2014/DSST ngày 30/10/2014 của Tòa án nhân dân huyện T:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L khởi kiện đòi bà Võ Thị S diện tích 106,5m^2 trong diện tích 3.120m^2, thửa 656, tờ bản đồ số 4 mà hộ bà Võ Thị S đang sử dụng.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 106,5m^2 nằm trong diện tích 3.120m^2, thửa 656, tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Lâm Thị Đ.

3. Công nhận cho bà Võ Thị S được tiếp tục sử dụng diện tích 106,5m^2, thửa 656, tờ bản đồ số 4, loại đất ở cây ăn quả, tọa lạc ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Có số đo các cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp đường đất có số đo: 9,30m;

- Hướng Tây giáp thửa 656 có số đo: 5,10m + 4,20m;

- Hướng Nam giáp thửa 656 có số đo: 12,30m;

- Hướng Bắc giáp thửa 656 có số đo: 10,20m.

Vị trí diện tích 106,5m^2, thửa 656 được xác định theo trích lục đo đạc theo hiện trạng ngày 13/5/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T kèm theo bản án này.

Bà Võ Thị S có quyền đến Cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005078 ngày 07/5/2012 và biên lai thu số 0006803 ngày 25/9/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T nên cấn trừ, còn lại 100.000 đồng hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L. Hoàn trả 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Võ Thị S theo biên lai thu số 0006901 ngày 12/11/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

5. Về lệ phí thẩm định, định giá: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 1.013.360 đồng. Bà Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng đủ nên không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung